

Số: 118/BC-STP

An Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2030

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 691/SKHCN-TĐC ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình năng suất chất lượng và Tờ trình, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2030 quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình 1322).

b) Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Tại khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi là Chương trình 1322).

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyên chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định **cụ thể** các mức chi đảm bảo phù hợp.”

Tại khoản 1 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. ...”

Căn cứ các quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2030 **là cần thiết và đúng thẩm quyền.**

3. Dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh **thống nhất** khoảng cách giữa các đoạn theo quy định tại khoản 4 Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

4. Nội dung văn bản được trình bày bằng chữ in thường, được dàn đều cả hai lề, kiểu chữ đứng; cỡ chữ từ 13 đến 14; khi xuống dòng, chữ đầu dòng lùi vào từ 1cm đến 1,27cm; khoảng cách giữa các đoạn văn đặt tối thiểu là 6pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng chọn tối thiểu từ cách dòng đơn hoặc từ 15pt trở lên.”

b) Khoản 1 Điều 2

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “*Hỗ trợ áp*” thành “*Hỗ trợ áp dụng*” tại điểm b.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định điểm đ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “*2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”. Đồng thời, quy định rõ ràng, phù hợp hơn đối với nội dung “*Trong đó, một (01) doanh nghiệp không **cùng lúc** tham gia nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ*” (“*cùng lúc*” được xác định như thế nào; một

doanh nghiệp không thể tham gia cùng lúc nhiều nhiệm vụ như vậy có hợp lý chưa; hay một doanh nghiệp không được hỗ trợ cùng lúc nhiều nội dung thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ; việc sử dụng từ “*nhiệm vụ*” có thống nhất với quy định tại điểm a, b, c, d không – các khoản trên quy định hỗ trợ “*doanh nghiệp/nội dung*”).

c) Khoản 2 Điều 2

Điểm a: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các nội dung chi tại điểm a khoản 2 “*kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322*” với quy định tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung, định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang (tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND có quy định các nội dung trên không).

Điểm b: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND có quy định mức chi đối với các nội dung chi tại điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết hay không.

Đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến thống nhất của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan về mức chi tại dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định đối với nội dung chi, mức chi tại dự thảo Nghị quyết này đã đầy đủ chưa, tránh trường hợp khó khăn trong thi hành khi dự thảo Nghị quyết được thông qua.

d) Điều 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Điều 3 theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

5. Trường hợp nội dung văn bản được bố cục theo phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm thì trình bày như sau:

c) Từ “Điều”, số thứ tự và tiêu đề của điều được trình bày bằng chữ in thường, cách lề trái từ 1cm đến 1,27cm, số thứ tự của điều dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.); cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm;”

Đồng thời, điều chỉnh các điểm a, b thì các khoản 1, 2.

4. Dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày viên dẫn theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một

số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

...

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 như sau:

“1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.”.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu hai chấm sau tên các điểm.

c) Khoản 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “*báo cáo*” thành “*Báo cáo*” và thống nhất “*Báo cáo thẩm định*” hay “*Báo cáo*”; “*Sở, ngành*” thành “*sở, ngành*”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ 1 khoảng trống sau cụm từ “...*Tờ trình và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.*” (đoạn đầu trang 4) và đề xuất bỏ đoạn “*Quy trình xây dựng ...xem xét, quyết nghị*”.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh bố cục tại điểm a khoản 4 chính xác hơn (số Điều).

đ) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phần cuối của dự thảo Tờ trình theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

e) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh chính tả tại Nơi nhận.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn